

VẤN ĐỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG ASEAN

GÓC NHÌN TỪ VIỆT NAM SAU 25 NĂM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN

HOÀNG THANH PHƯƠNG *

Tóm tắt: Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong ASEAN là vấn đề mang tính thời sự do cách tiếp cận đặc thù của khu vực. Bài viết phân tích ảnh hưởng của các yếu tố như nguyên tắc hoạt động, “phương cách ASEAN”, “giá trị châu Á” lên cách tiếp cận của ASEAN về quyền con người; phân tích những nghĩa vụ đặt ra trong lĩnh vực quyền con người đối với các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam, từ đó đánh giá thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam và đề xuất các giải pháp về mặt pháp lý để tiếp tục hoàn thiện thể chế phù hợp với những cam kết khu vực mà Việt Nam đã đưa ra, nhất là trong bối cảnh Việt Nam tham gia ứng cử vị trí thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (UNHRC) nhiệm kỳ 2023 - 2025 với tư cách ứng cử viên của ASEAN.

Từ khóa: ASEAN; nghĩa vụ thành viên; quyền con người

Nhận bài: 20/7/2020

Hoàn thành biên tập: 07/4/2021

Duyệt đăng: 07/4/2021

HUMAN RIGHTS AMONG ASEAN COUNTRIES - PERSPECTIVES FROM VIETNAM AFTER 25 YEARS OF MEMBERSHIP

Abstract: Protecting and promoting human rights among ASEAN is a topic of current interest due to its specific approach.. The paper analyzes influences of different factors such as “ASEAN methods”, “Asian values” on its approach to human rights issues. The paper also points out obligations of ASEAN members, including Vietnam as the basis to assess the practice in Vietnam. It aims at offering recommendations towards compatibility in accordance with practice and Vietnam’s regional commitments, especially in the context of becoming United Nation Human Rights Council (UNHRC) Candidacy for the 2023-2025 tenure as ASEAN candidate.

Keywords: ASEAN membership; obligations; human rights

Received: July 20th, 2020; Editing completed: Apr 7th, 2021; Accepted for publication: Apr 7th, 2021

1. Cơ chế bảo vệ quyền con người trong ASEAN

1.1. Cách tiếp cận của ASEAN về vấn đề quyền con người

Trên thế giới, ngay từ sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự ra đời của Liên Hợp quốc, nhiều văn kiện pháp lý về quyền con người đã xuất hiện, đặt nền tảng cho vấn đề bảo vệ quyền con người trên

phạm vi toàn cầu: Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về Các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) năm 1966 và Công ước quốc tế về Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR) năm 1966. Tuy nhiên, thời kì đầu, trong khu vực Đông Nam Á, chỉ có Philippines và Việt Nam tham gia vào các công ước này.⁽¹⁾ Với mục tiêu ban

(1). Mặc dù ASEAN đã thành lập từ năm 1967 nhưng phải đến năm 1982 thì Việt Nam mới trở thành quốc gia ASEAN đầu tiên tham gia Công ước ICCPR. Sau

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: phuonght@hlu.edu.vn

đầu là thành lập một liên minh chính trị vào năm 1967, trong giai đoạn đầu, các quốc gia ASEAN tập trung vào hợp tác xây dựng một Đông Nam Á ổn định và an toàn, chống lại sự can thiệp từ bên ngoài,⁽²⁾ đặc biệt là nghiên cứu giải quyết các vấn đề nội bộ có hữu như xung đột sắc tộc và tôn giáo và các tranh chấp lãnh thổ. Vấn đề quyền con người chỉ thực sự được các quốc gia trong khu vực quan tâm mỗi khi các thách thức về quyền con người trong khu vực trở nên trầm trọng như trong bối cảnh ASEAN phải đối mặt với khủng hoảng tài chính vào những năm 90 của thế kỉ XX, với chủ nghĩa khủng bố vào đầu những năm 2000 hay các thảm họa thiên nhiên như sóng thần, lũ lụt... Những hiện tượng này đe dọa nghiêm trọng tới quyền con người, mà không có cơ chế hợp tác cụ thể giữa các quốc gia thành viên, dẫn đến ngay cả những quyền cơ bản của con người như quyền sống, quyền học tập, quyền lao động... của người dân ASEAN cũng bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, các quốc gia ASEAN cũng dần nhận ra rằng việc tránh né vấn đề nhân quyền là đi ngược lại bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá, đặc biệt là từ sau khi Liên Hợp quốc kêu gọi xây dựng cơ chế nhân quyền khu vực trong Tuyên bố và Chương trình hành động Vienna năm 1993. Với sự cởi mở của các quốc gia thành viên, vấn đề nhân quyền đã dần được đưa vào chương trình nghị sự tại các cuộc họp của ASEAN, bắt

đó, Phillipines là quốc gia tiếp theo tham gia vào Công ước này (Xem thêm Bảng 1 về thời gian gia nhập các điều ước quốc tế về quyền con người của các quốc gia ASEAN).

(2). Tuyên bố Bangkok - Tuyên bố khai sinh ra ASEAN, <https://asean.org/the-asean-declaration-bangkok-declaration-bangkok-8-august-1967/>, truy cập 15/4/2020.

đầu từ những vấn đề cụ thể, đối với các đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người lao động di trú... để có thể ra đời Tuyên ngôn nhân quyền chung trong ASEAN (AHRD) vào năm 2012. Như vậy, với đặc thù là “phương cách ASEAN”⁽³⁾ và nguyên tắc “tiệm tiến”,⁽⁴⁾ ASEAN lựa chọn cách tiếp cận dần dần với vấn đề được cho là nhạy cảm này.

Cách tiếp cận này của ASEAN đã phần nào ảnh hưởng tới hiệu quả và tiến độ thực hiện các cam kết về quyền con người trong khu vực. Những thúc giục từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự dường như chưa đủ để khiến quyền con người trở thành vấn đề trung tâm tại chương trình nghị

(3). Phương cách ASEAN (ASEAN Way) là cụm từ thường dùng để nói về cách thức hoạt động của ASEAN, trong đó chủ yếu tập trung vào việc tránh thể chế hoá và pháp lí hoá sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên do những ngại về sự xói mòn chủ quyền quốc gia. Phương cách ASEAN nhấn mạnh đến việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong quá trình hợp tác như không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tham vấn và đồng thuận, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp... Một số học giả cho rằng phương cách ASEAN làm chậm tiến trình hợp tác của ASEAN vì nó có khuynh hướng loại trừ các vấn đề gây tranh cãi ra khỏi các chương trình nghị sự, hướng tới việc láng tránh thay vì giải quyết xung đột và vấn đề nhân quyền cũng nằm trong số đó.

(4). Nguyên tắc tiệm tiến là nguyên tắc hoạt động của ASEAN, theo đó hợp tác khu vực sẽ áp dụng nguyên tắc tiệm tiến và thoải mái với tất cả các bên. Có nghĩa là hợp tác khu vực phải được tiến hành từng bước, bảo đảm phù hợp với lợi ích, khả năng của các nước và tất cả đều có thể tham gia, không thành viên nào bị “bỏ lại”, xem thêm tại <https://www.asean2020.vn/web/asean/phuong-thuc-hoat-dong>, truy cập 20/4/2020. Với cách thức hoạt động này, ASEAN sẽ không cùng lúc bàn bạc về tất cả các vấn đề tồn tại trong khu vực, mà tiếp cận theo hướng dần dần, đề cao và tôn trọng sự khác biệt và chủ quyền quốc gia.

sự các cuộc họp hay diễn đàn cả chính thức và phi chính thức tại ASEAN. Thực tế cho thấy ASEAN chỉ thực sự quan tâm tới vấn đề này khi tồn tại những nhu cầu tự thân, xuất phát từ những cơ sở thực tiễn như thực tiễn về bảo vệ phụ nữ, trẻ em trước nguy cơ bị buôn bán, lạm dụng hay thực tiễn số lượng lớn lao động tại ASEAN di cư sang các quốc gia thành viên mà những quyền cơ bản của họ bị ảnh hưởng. Vì vậy, quyền con người sẽ tiếp tục là vấn đề “nóng” nếu ASEAN vẫn nhất quán với những nguyên tắc hoạt động đặc thù của mình. Việc tìm kiếm giải pháp để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người tại các quốc gia thành viên cũng cần tính đến yếu tố này.

1.2. Cơ sở pháp lí cho việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong ASEAN

Đối với vấn đề quyền con người trong ASEAN, các quốc gia thành viên, sau nhiều bất đồng cũng đã xây dựng được cơ chế đảm bảo quyền con người tại ASEAN. Cơ chế này hoạt động dựa trên hệ thống văn kiện và hệ thống các cơ quan điều phối vấn đề quyền con người.

Như đã đề cập ở phần trên, nguyên tắc hoạt động của ASEAN ảnh hưởng lớn đến tiến trình xây dựng các văn kiện về quyền con người. Trước hết, các quốc gia thành viên lựa chọn những lĩnh vực dễ tìm được tiếng nói chung trong vấn đề quyền con người để tiếp cận trước, đó là bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em (thể hiện thông qua các văn bản tiêu biểu như: Tuyên bố về xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong khu vực ASEAN năm 2004, Tuyên bố ASEAN về phòng, chống tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2004), quyền của người lao động di trú (thể hiện thông qua Tuyên bố ASEAN về bảo

vệ và thúc đẩy quyền của lao động di trú năm 2007). Thời gian sau đó, bên cạnh việc tiếp tục “nâng cấp” tính pháp lí⁽⁵⁾ cũng như tính hiệu quả của các văn bản nói trên, nhằm hướng tới những cam kết mạnh mẽ hơn cũng như việc tăng cường thực thi pháp luật⁽⁶⁾ trong những lĩnh vực đã lựa chọn hợp tác, ASEAN còn thể chế hoá các nguyên tắc bảo vệ quyền con người thành những văn bản đề cập vấn đề này một cách toàn diện hơn. Điều này thể hiện qua Hiến chương ASEAN năm 2007 và Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN năm 2012. Nếu như Hiến chương ASEAN năm 2007 là sự tái khẳng định tinh thần và nguyên tắc hợp tác của các quốc gia thành viên là dựa trên sự “tôn trọng và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản”,⁽⁷⁾ thì Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN năm 2012 đã thể hiện rất rõ cách tiếp cận đặc thù về quyền con người của ASEAN.

Với Hiến chương ASEAN, bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản không chỉ là nguyên tắc hoạt động mà còn là mục tiêu hướng tới khi xây dựng một ASEAN “hướng về nhân dân”. Bởi vậy, chính tại văn bản có hiệu lực pháp lí cao nhất này của ASEAN, các quốc gia thành viên đã thống nhất “sẽ

(5). Năm 2015, trước áp lực của cuộc khủng hoảng di cư từ Bangladesh và Myanmar tới Indonesia, Malaysia và Thái Lan, ASEAN đã nâng cấp Tuyên bố ASEAN về phòng, chống tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em trước đó thành Công ước ASEAN về phòng, chống tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015 - một điều ước quốc tế có tính ràng buộc cao hơn với các quốc gia thành viên

(6). Nhằm thực thi pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, ASEAN đã ban hành Kế hoạch hành động khu vực về xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ.

(7). Phần mở đầu và được khẳng định một lần nữa tại Điều 2 Hiến chương ASEAN.

lập ra một cơ quan nhân quyền ASEAN”. Cơ quan nhân quyền ASEAN này sẽ hoạt động theo Quy chế do Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN quyết định. Hiến chương ASEAN đã mở ra một hướng đi cho việc thể chế hoá các nguyên tắc và mục tiêu nói trên vào các văn kiện trong khuôn khổ ASEAN sau này, nâng cấp các tiêu chuẩn về quyền con người trong ASEAN tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế. Đây được coi là “*cơ sở pháp lí quan trọng để thúc đẩy việc thể chế hoá tiếp theo các giá trị, tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế khác, hướng tới thành lập một cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người hiệu quả ở ASEAN*”.⁽⁸⁾

Với những nguyên tắc ghi nhận tại Hiến chương ASEAN, vượt qua những khó khăn về tính đa dạng, về những bất đồng quan điểm, về những quan niệm ăn sâu gốc rễ tại các quốc gia thành viên, Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN đã ra đời năm 2012 và trở thành dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của cơ chế nhân quyền khu vực ASEAN, “*là một bằng chứng cho sự thắng lợi của ASEAN*”⁽⁹⁾ trong lĩnh vực này. Tuyên ngôn thể hiện sự công nhận của cả 10 quốc gia thành viên những quyền dân sự và chính trị (từ đoạn 10-25 AHRD), những quyền kinh tế, văn hoá, xã hội (từ đoạn 26-34 AHRD) ghi nhận trong hai công ước của Liên Hợp quốc, đồng thời là sự thừa nhận chính thức các quyền con người thế hệ thứ ba (bao gồm các nhóm quyền phát triển và quyền được thụ hưởng hòa bình từ đoạn 35-38 AHRD)

(8). Phạm Xuân Hải, *Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở khu vực ASEAN*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2016, tr. 50.

(9). Phạm Xuân Hải, *tlđđ*, tr. 51.

nhưng cũng thể hiện những nét “rất châu Á” và là biểu hiện rõ nét của “phương cách ASEAN” trong cách tiếp cận đối với vấn đề quyền con người. Một mặt, những quy định của Tuyên ngôn đã thừa nhận tính phổ quát⁽¹⁰⁾ - một trong những đặc tính cơ bản của quyền con người tại Đoạn 7, mặt khác, những câu từ trong Tuyên ngôn vẫn “phản phát” những “giá trị châu Á”⁽¹¹⁾ - vốn được coi là “thành trì” vững chãi để bảo tồn những khác biệt trong cách tiếp cận về quyền con người giữa phương Đông và phương Tây. Đối với các quốc gia thành viên, mặc dù “*tất cả quyền con người là phổ quát, không thể phân chia, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan đến nhau*”⁽¹²⁾ nhưng khi thực thi quyền con người trong ASEAN, cần xem xét “*trong bối*

(10). Tính phổ quát (universality) là một trong những đặc tính cơ bản của quyền con người, được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Tính phổ quát có nghĩa là quyền con người là bẩm sinh, vốn có và được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người, không có sự phân biệt đối xử vì bất kì lí do gì.

(11). Giá trị châu Á là thuật ngữ được sử dụng từ những năm 1990, sau sự sụp đổ của Liên bang Xô viết. Giá trị châu Á được sử dụng để phân biệt với các giá trị phương Tây, đặc biệt liên quan đến việc không thừa nhận tính phổ quát của quyền con người. “Giá trị châu Á” có thể hợp thành từ các thành tố sau: cách tiếp cận mang tính tương đối với quyền con người, quan điểm của chủ nghĩa cộng sản, nhấn mạnh đến gia đình là yếu tố cốt lõi của xã hội, sự cần thiết của việc xem xét tầm quan trọng của các nhân tố kinh tế, xã hội và văn hoá, phẩm giá đối với quyền con người, quyền phải gắn liền với nghĩa vụ và nhấn mạnh đến chủ quyền quốc gia, Hoàng Văn Nghĩa, *The 'Asian Values' Perspective of Human Rights: A Challenge to Universal Human Rights*, <https://ssrn.com/abstract=1405436>. or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1405436>, truy cập 20/4/2020.

(12). Đoạn 7 Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN, https://www.asean.org/storage/images/ASEAN_RTK_2014/6_AHRD_Booklet.pdf, truy cập 20/4/2020

cảnh khu vực và quốc gia, có tính đến những khác biệt về hoàn cảnh chính trị, kinh tế, luật pháp, xã hội, văn hoá, lịch sử và tôn giáo”.⁽¹³⁾ Đoạn 34 của Tuyên ngôn cũng cho phép các quốc gia ASEAN quyết định về mức độ mà họ sẽ đảm bảo các quyền này cho những người không phải công dân của mình. Như vậy, AHRD đã gián tiếp nhắc đến các “giá trị châu Á”, điều mà một số học giả cho rằng nó khiến cho các giá trị nhân quyền được ghi nhận tại ASEAN là “thấp hơn những giá trị đã được thừa nhận chung toàn cầu”.⁽¹⁴⁾ Tuy nhiên, tính phổ quát của quyền con người không có nghĩa là cào bằng mức độ hưởng thụ các quyền, mà là bình đẳng về tư cách chủ thể của quyền con người. Nếu xét về phương diện này, có thể thấy việc gián tiếp thừa nhận “giá trị châu Á” trong Tuyên ngôn vẫn đảm bảo sự phù hợp nhất định với quan điểm chung của nhân loại.

Nhìn chung, mặc dù quyền con người là vấn đề đã phần nào được nhìn nhận một cách cởi mở hơn tại ASEAN nhưng hệ thống văn bản của ASEAN cho thấy đây vẫn còn là vấn đề mới và chưa nhận được sự đồng thuận cao tại các quốc gia thành viên. Điều này thể hiện ở các đặc điểm sau:

Thứ nhất, hầu hết các văn bản được thông qua trong lĩnh vực quyền con người tại ASEAN chỉ mang tính chất của những tuyên bố chính trị, với hiệu lực pháp lí và tính ràng buộc thấp.

Thứ hai, nội dung các văn bản còn chung và gây nhiều tranh cãi, đặc biệt về vấn đề thừa nhận tính phổ quát của quyền con người.

(13). Đoạn 7 Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN, https://www.asean.org/storage/images/ASEAN_RTK_2014/6_AHRD_Booklet.pdf, truy cập 20/4/2020

(14). Phạm Xuân Hải, *ltdđ*, tr. 52.

Tuy nhiên, có thể dễ dàng nhận thấy những điểm tương đồng trong nghĩa vụ thành viên mà các văn kiện này đặt ra đối với các quốc gia là:

Thừa nhận và thực thi pháp luật về quyền con người tại quốc gia mình thông qua: Hoàn thiện các quy định pháp luật trong nước về quyền con người, tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với nguyên tắc đảm bảo chủ quyền quốc gia, có tính đến những khác biệt về điều kiện kinh tế, xã hội, nguồn lực theo nguyên tắc tiến bộ dần dần; Tăng cường cơ chế giám sát hoạt động thực thi pháp luật về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên thông qua: thúc đẩy phê chuẩn và thông qua các văn kiện khu vực về quyền con người; Hợp tác thực thi pháp luật về quyền con người thông qua công tác trao đổi thông tin, chia sẻ minh bạch các dữ liệu cũng như lắng nghe ý kiến phản biện, trao đổi quan điểm và đối thoại với các tổ chức xã hội dân sự quốc tế.

1.3. Thiết chế pháp lí bảo vệ quyền con người trong ASEAN

Trong khoa học pháp lí, cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người được hợp thành bởi hai bộ phận: các thể chế pháp lí và các thiết chế pháp lí. Trong lĩnh vực quyền con người, cũng giống như cách tiếp cận tại các tổ chức khu vực như EU là thiết lập hệ thống các cơ quan điều phối hoạt động rồi mới ban hành các thể chế pháp lí, ASEAN cũng bắt đầu từ các thể chế pháp lí.

Như đã đề cập, Tuyên bố Vienna năm 1993 của Liên Hợp quốc cùng với các khuyến nghị của các tổ chức xã hội dân sự đã trở thành những đòn bẩy đẩy nhanh tiến trình thành lập các cơ quan nhân quyền khu vực.

Tuy vậy, ý tưởng xây dựng các cơ quan nhân quyền khu vực chỉ thực sự có cơ sở pháp lý vững chắc khi Hiến chương ASEAN ra đời và quy định tại Điều 14 của văn bản này: “*Phù hợp với các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, ASEAN sẽ lập một cơ quan nhân quyền ASEAN*”.

Sau khi Hiến chương ASEAN ra đời, một cơ quan điều phối chung về vấn đề nhân quyền của ASEAN và hai cơ quan điều phối hoạt động thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong hai lĩnh vực cụ thể là quyền của phụ nữ, trẻ em và quyền của người lao động di trú đã được thành lập dựa trên các quy chế hoạt động với nhiều chức năng và nhiệm vụ:

- Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR) là cơ quan trung tâm trong hệ thống các thiết chế khu vực về quyền con người.⁽¹⁵⁾ Ủy ban này bắt đầu đi vào hoạt động năm 2009 với tư cách là cơ quan tư vấn liên chính phủ (Điều 3 Quy chế hoạt động của AICHR).⁽¹⁶⁾ Ủy ban bao gồm 10 đại diện do Chính phủ 10 quốc gia thành viên cử với nhiệm kỳ 3 năm. Ủy ban nhóm họp 2 lần một năm, chịu trách nhiệm báo cáo thường niên trực tiếp với Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN. Quy chế này khẳng định AICHR là một thể chế nhân quyền bao quát, chịu trách nhiệm tổng thể về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền

ASEAN, hoạt động dựa trên các nguyên tắc chung của ASEAN với các chức năng, nhiệm vụ như: xây dựng chiến lược, tăng cường nhận thức, thu thập thông tin, triển khai nghiên cứu, khuyến khích các nước thành viên ASEAN xem xét gia nhập và thông qua các văn kiện nhân quyền quốc tế, thúc đẩy việc thực hiện đầy đủ các văn kiện ASEAN liên quan đến nhân quyền (Điều 4 Quy chế hoạt động của AICHR).

- Ủy ban thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em:⁽¹⁷⁾ Trên thực tế, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em là vấn đề nóng tại tất cả các quốc gia thành viên, Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Công ước của Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em (CRC) là hai văn kiện quyền con người hiếm hoi mà tất cả các quốc gia ASEAN đều là thành viên. Để thực hiện nghĩa vụ thành viên đặt ra bởi hai công ước này, Ủy ban thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC) được thành lập với Quy chế hoạt động được thông qua tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 15 tại Bangkok, Thái Lan năm 2009. ACWC gồm 2 đại diện từ các quốc gia thành viên - một đại diện về quyền phụ nữ và một đại diện về quyền trẻ em (Điều 6 Quy chế hoạt động của ACWC)⁽¹⁸⁾ với các chức năng tương tự như AICHR nhưng cụ thể hoá trong lĩnh vực quyền của phụ nữ và trẻ em, đồng thời bổ sung các chức năng mang tính chủ động hơn như thúc đẩy việc thực thi các văn kiện quốc

(15). Tuyên bố Phnompenh về việc thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN đã khẳng định trong phần mở đầu về “vai trò quan trọng của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền với tư cách là thiết chế trung tâm chịu trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người tại ASEAN”. Xem thêm tại đường dẫn: https://www.asean.org/storage/images/ASEAN_RTK_2014/6_AHRD_Booklet.pdf, truy cập 01/4/2021.

(16). <https://www.asean.org/storage/images/archive/publications/TOR-of-AICHR.pdf>, truy cập 20/4/2020

(17). https://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2012/Social_cultural/ACW/TOR-ACWC.pdf, truy cập 01/4/2021.

(18). https://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2012/Social_cultural/ACW/TOR-ACWC.pdf, truy cập 21/4/2020

tế về quyền con người, vận động các chính sách vì phụ nữ và trẻ em, hỗ trợ các nước thành viên trong việc chuẩn bị báo cáo định kì cho Ủy ban về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW), Ủy ban Quyền trẻ em Liên Hợp quốc (Ủy ban CRC), UNHRC và các báo cáo khác, khuyến khích việc thu thập dữ liệu, xây dựng năng lực, rà soát các văn bản pháp luật và thực tiễn quốc gia, thúc đẩy các biện pháp ngăn chặn và chống lại các hình thức bạo lực với phụ nữ và trẻ em...

- Ủy ban thực hiện Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy các quyền của người lao động di trú (ACMW) thành lập sau sự ra đời của Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú năm 2007.⁽¹⁹⁾ ACMW là cơ quan duy nhất trong 3 thiết chế khu vực về quyền con người của ASEAN ra đời sau một văn kiện cụ thể, vì vậy phạm vi hoạt động của cơ quan này cũng hẹp hơn, chỉ tập trung vào việc thực thi Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú thay vì bảo vệ quyền của nhóm này theo nghĩa chung. ACMW gồm 10 thành viên đến từ các quốc gia ASEAN và đại diện Ban Thư kí ASEAN, chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Hội nghị các Quan chức cao cấp về Lao động ASEAN. Ủy ban nhóm họp mỗi năm một lần, tập trung vào bốn nhiệm vụ chính theo Quy chế hoạt động:

- Đẩy mạnh hoạt động thúc đẩy và bảo

vệ các quyền của người lao động di trú chống lại bóc lột và ngược đãi.

- Tăng cường bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú thông qua cải thiện phương thức quản lí lao động di trú các nước ASEAN.

- Hợp tác khu vực để chống lại buôn bán người ở ASEAN.

- Xây dựng một văn kiện ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú.

Trong ba cơ quan nói trên, nếu như AICHR mang tính bao quát thì ACWC và ACMW là những cơ quan được thiết lập nhằm mục tiêu bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền đối với một số nhóm yếu thế, tuy nhiên có thể dễ dàng nhận thấy một số hạn chế chung của hệ thống các thiết chế này.

Thứ nhất, các cơ quan nhân quyền khu vực của ASEAN là những cơ quan mang tính chất tham vấn và không hoạt động độc lập với chính phủ của các quốc gia thành viên. Các cơ quan này đều mang tính chất “liên chính phủ” với thành viên là đại diện do các quốc gia cử. Vì vậy, khó để có thể đảm bảo tính khách quan trong các báo cáo về vấn đề nhạy cảm này.

Thứ hai, qua chức năng, nhiệm vụ quy định trong quy chế hoạt động của các cơ quan này, có thể thấy, không có cơ quan nào có chức năng giám sát, điều tra, tiếp nhận các cáo buộc từ các tổ chức, cá nhân liên quan đến quyền con người. Nhiệm vụ của các cơ quan chủ yếu là thúc đẩy, thiếu vắng đi chức năng bảo vệ quyền con người. Đây là điểm rất đặc thù của hệ thống thiết chế nhân quyền khu vực ASEAN nếu so sánh với các thiết chế nhân quyền khu vực khác đã thành lập trước đó tại châu Âu, châu Mỹ, châu Phi

(19). Đoạn 59 Chương VII Đồng thuận ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di trú năm 2007; Xem thêm tại đường dẫn: <https://asean.org/storage/2019/01/3.-March-2018-ASEAN-Consensus-on-the-Protection-and-Promotion-of-the-Rights-of-Migrant-Workers.pdf>, truy cập 01/4/2021.

bởi “các hệ thống này cung cấp cho các cá nhân khả năng tiếp cận công lý và các khoản bồi thường khi không thể thực hiện ở cấp độ quốc gia”.⁽²⁰⁾ Cụ thể, một cá nhân có thể đệ trình trực tiếp các cáo buộc về vi phạm quyền con người lên Tòa án Nhân quyền châu Âu hoặc thông qua Ủy ban Liên châu Mỹ và Ủy ban châu Phi về quyền con người để đệ trình các cáo buộc này lên các tòa án khu vực về quyền con người - cơ quan tài phán có khả năng đưa ra quyết định có tính ràng buộc pháp lý với các quốc gia thành viên.

Một lần nữa, thông qua các thiết chế khu vực về nhân quyền tại ASEAN có thể tái khẳng định cách tiếp cận theo nguyên tắc tiệm tiến, thể hiện “phương cách ASEAN” đối với vấn đề quyền con người.

2. Thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong ASEAN về quyền con người và một số khuyến nghị

Với tư cách là thành viên của ASEAN, Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thành viên ghi nhận trong các cơ sở pháp lý của ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người.

2.1. Hoàn thiện pháp luật quốc gia về quyền con người

Như đã đề cập trong phần đầu bài viết, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên tại khu vực Đông Nam Á trở thành thành viên của các công ước của Liên Hợp quốc về quyền con người năm 1982, chứng tỏ quyền

con người là mối quan tâm lớn của Chính phủ Việt Nam, để có thể xây dựng một nhà nước “của dân, do dân, vì dân”. Tại ASEAN, Việt Nam tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào quá trình soạn thảo các văn kiện về quyền con người và thực hiện đầy đủ các thủ tục phê chuẩn các văn kiện này. Cũng bởi vậy, Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật trong nước cho tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều này đã thể hiện rất rõ trong Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ. Ngay từ năm 1946, trong bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam đã xuất hiện những quy định về quyền con người tại Chương II về quyền và nghĩa vụ của công dân và tiếp tục được ghi nhận trong các bản Hiến pháp năm 1959 và năm 1980. Các bản Hiến pháp đã ghi nhận rất đầy đủ các quyền dân sự và chính trị, các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội và được đánh giá là phản ánh được đúng nhất bản chất tự nhiên, vốn có của quyền con người nói chung. Tuy nhiên, các bản Hiến pháp trước năm 1992 đều tích hợp các quyền con người với các quyền công dân, thể hiện rõ ràng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đã lựa chọn, thể hiện mối liên hệ giữa nhà nước và công dân, thể hiện quan điểm quyền con người là đồng nhất với quyền công dân, do Nhà nước trao cho công dân. Ở thời kỳ tiếp theo, Hiến pháp năm 1992 đánh dấu sự tiến bộ về quan điểm của Việt Nam về quyền con người. Điều 50 của Hiến pháp 1992 đã cho thấy: “các nhà lập pháp của Việt Nam đã chuyển từ niềm tin truyền thống rằng Hiến pháp chỉ bảo vệ các quyền công dân, sang thừa nhận các tiêu chuẩn quốc tế về

(20). European Parliament, Directorate - General for external policies, Policy Department, “Development of the ASEAN human rights mechanism”, 2012, tr. 8, [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/note/join/2012/457120/EXPO-DROI_NT\(2012\)457120_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/note/join/2012/457120/EXPO-DROI_NT(2012)457120_EN.pdf), truy cập 26/4/2020

quyền con người, và điều đó đòi hỏi Hiến pháp phải thừa nhận và bảo vệ không chỉ quyền của công dân mà cả quyền của những người nước ngoài đang sống và làm việc tại Việt Nam một cách hợp pháp”.⁽²¹⁾ Tuy nhiên, điều khoản này vẫn nằm trong Chương 5 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cũng có nghĩa là các nhà lập pháp chưa có sự phân biệt giữa quyền công dân và quyền con người một cách rõ ràng. Mặt khác, Điều 50 cũng chỉ mới sử dụng những cụm từ chung: “ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng”, khiến những nghĩa vụ bảo vệ quyền con người thể hiện trong Hiến pháp này còn mờ nhạt. Khắc phục những nhược điểm này, Hiến pháp năm 2013 ghi nhận về các quyền con người ngay tại Chương II với tên gọi “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Với cách quy định như vậy, Hiến pháp năm 2013 đã không còn đồng nhất quyền con người và quyền công dân. Không những vậy, Hiến pháp mới của Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi mang tính cách mạng khi đề cập cả “ba nghĩa vụ của nhà nước (tương ứng với các quy định về nghĩa vụ quốc gia theo luật nhân quyền quốc tế) là tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người”,⁽²²⁾ hay quy định thêm nguyên tắc về giới hạn quyền cũng như có

sự tiến bộ liên quan đến những quyền cụ thể... Những thay đổi này thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về vấn đề thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Ngoài ra, trong các văn bản luật và dưới luật, đảm bảo quyền con người luôn là một trong những nguyên tắc hàng đầu được ghi nhận. Đặc biệt, từ năm 2014 - 2018, Việt Nam đã bổ sung, sửa đổi và ban hành mới nhiều văn bản luật có liên quan đến quyền con người. Có thể chia các văn bản mới này thành hai nhóm: nhóm đầu tiên bao gồm các văn bản trực tiếp quy định về các quyền con người như: Luật Nhà ở năm 2014, Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Trưng cầu ý dân năm 2015, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2018... và nhóm thứ hai là các văn bản quy định về đảm bảo quyền con người trong quá trình tố tụng như Luật Tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017... Đặc biệt, Việt Nam chú trọng hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền của những nhóm xã hội dễ bị tổn thương mà ASEAN đã ban hành các văn kiện pháp lí có liên quan, đó là quyền của người lao động di cư, quyền của phụ nữ và trẻ em. Sự ra đời của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006, Luật

(21). Xem thêm: Giao Cong VU, Kien TRAN, “Constitutional Debate and Development on Human Rights in Vietnam”, *Asian Journal of Comparative Law*, II (2016), tr. 243.

(22). Vũ Công Giao, Nguyễn Sơn Đông, “Những điểm mới tiến bộ về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013 và việc thực thi”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 30, Số 3/2014, tr. 42.

Bình đẳng giới năm 2006, Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Trẻ em năm 2016 và các nghị định có liên quan là những dấu mốc quan trọng chứng minh Việt Nam là thành viên tích cực của ASEAN trong công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền của các nhóm yếu thế này.

2.2. Hợp tác quốc tế về quyền con người

Ngoài việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, Việt Nam cũng tích cực ra nhập

hầu hết các điều ước quốc tế lớn về quyền con người trên thế giới, thể hiện quyết tâm chính trị lớn của Đảng và Nhà nước trong việc đảm bảo quyền con người tại Việt Nam. Bảng 1 cho thấy, so với những quốc gia khác trong khu vực, kể cả những quốc gia được coi là phát triển tại ASEAN như Singapore hay Malaysia, Việt Nam đã tham gia các công ước quốc tế về quyền con người khá sớm.

Bảng 1. Sự tham gia của các quốc gia ASEAN vào các điều ước quốc tế về quyền con người

THÀNH VIÊN ASEAN	ICERD ⁽²³⁾ 1965	ICESCR ⁽²⁴⁾ 1966	ICCPR ⁽²⁵⁾ 1966	CEDAW ⁽²⁶⁾ 1979	CAT ⁽²⁷⁾ 1984	CRC ⁽²⁸⁾ 1989	ICPMW ⁽²⁹⁾ 1990	CRPD ³⁰ 2006
Brunei				2006		1995		2007
Campuchia	1983	1992	1992	1992	1992	1992	2004	2007
Indonesia	1999	2006	2006	1984	1998	1990	2012	2011
Lào	1974	2007	2009	1981	2012	1991		2009
Malaysia				1995		1995		2010
Myanmar				1997		1991		2011
Philippines	1967	1974	1986	1981	1986	1990	1995	2008
Singapore				1995		1995		2013
Thái Lan	2003	1999	1996	1985	2007	1992		2008
Việt Nam	1982	1982	1982	1982	2013	1990		2007

(23). ICERD: Công ước quốc tế về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.

(24). ICESCR: Công ước quốc tế về Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá.

(25). ICCPR: Công ước quốc tế về Các quyền dân sự và chính trị.

(26). CEDAW: Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.

(27). CAT: Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

(28). CRC: Công ước về Quyền trẻ em.

(29). ICPMW: Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ.

(30). CRPD: Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật.

Việc phê chuẩn các điều ước quốc tế về quyền con người cũng đặt ra cho Việt Nam nghĩa vụ đề trình và bảo vệ các báo cáo quốc gia liên quan đến các công ước quốc tế về quyền con người. Các báo cáo này đã tạo ra khối lượng công việc đồ sộ nhưng so với các quốc gia khác trong khu vực, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện và bảo vệ thành công các báo cáo này⁽³¹⁾ mặc dù vẫn còn tình trạng quá hạn báo cáo.⁽³²⁾

Đối với khối ASEAN, Việt Nam cũng có những đóng góp quan trọng về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người bên cạnh những đóng góp chung cho ASEAN trong nỗ lực thành lập Cộng đồng ASEAN. Đặc biệt, trong năm 2010, Việt Nam là chủ tịch ASEAN và đã góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình thành lập ACWC - một trong các thiết chế khu vực quan trọng về quyền con người và ra mắt Quy chế hoạt động của Ủy ban này.

Công tác trao đổi các thông tin liên quan đến quyền con người cũng được thực hiện khá tốt tại Việt Nam. Cho đến thời điểm hiện tại, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã 2 lần công bố Sách trắng về quyền con người vào năm 2005 và năm 2018, cung cấp những thông tin cập nhật về pháp luật, chính sách, nỗ lực và thành tựu của nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quyền con người cũng như những ưu tiên của Việt Nam đối với vấn đề này, tránh những luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động về tình hình nhân quyền tại Việt Nam. Việt Nam cũng chủ trương sẵn sàng đối thoại và

hợp tác song phương với các quốc gia đối tác của ASEAN như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Australia... về vấn đề quyền con người và chủ động mời các báo cáo viên của Liên Hợp quốc cũng như đón nhiều đoàn nước ngoài vào tìm hiểu tình hình tại Việt Nam.⁽³³⁾

Đồng thời, Chính phủ Việt Nam cũng đẩy mạnh hợp tác trong những lĩnh vực mà tại đó, quyền con người có thể bị ảnh hưởng như: buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, tội phạm xuyên quốc gia... thông qua việc tham gia các hội nghị quan chức cao cấp ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia, thúc đẩy thông qua Công ước ASEAN về Phòng chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015, Tuyên bố ASEAN về Tội phạm xuyên quốc gia năm 2012 và hợp tác cảnh sát trong ASEAN.

Bên cạnh đó, không thể không nhắc tới các nỗ lực của Việt Nam khi cùng chung tay với các quốc gia thành viên giải quyết những vấn đề về an sinh xã hội - một trong những gốc rễ của việc bảo vệ những quyền cơ bản của con người như quyền sống và những quyền thuộc thể hệ thứ hai (nhóm quyền kinh tế, văn hoá, xã hội) như quyền được hưởng và duy trì tiêu chuẩn sống thích đáng, quyền giáo dục... Các biện pháp thực hiện liên quan đến vấn đề này ghi nhận tại các bản kế hoạch tổng thể xây dựng các cộng đồng kinh tế và văn hoá-xã hội giai đoạn 2009 - 2015 và 2015 - 2025 đã nhận được sự đồng thuận cao từ các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam.

2.3. Các cơ quan bảo vệ và thúc đẩy quyền con người tại Việt Nam

Tại Việt Nam hiện nay, Ban Chỉ đạo về Nhân quyền là cơ quan liên ngành thuộc

(31). Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng về tình hình nhân quyền tại Việt Nam: Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*, 2005, tr. 37.

(32). Xem thêm: Mathew Davies, "States of Compliance?: Global Human Rights Treaties and ASEAN Member States", *Journal of Human Rights*, 2014, 13:4, tr. 424.

(33). Bộ Ngoại giao Việt Nam, sdd, tr. 39.

Chính phủ với chức năng chủ yếu là tham mưu cho Chính phủ trong công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền, tổ chức thông tin, tuyên truyền về nhân quyền, tiếp nhận báo cáo tình hình chung về nhân quyền tại các địa phương... Việt Nam cũng triển khai hệ thống ban chỉ đạo nhân quyền tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngoài ra, Việt Nam thành lập các cơ quan đảm bảo chức năng giám sát quyền con người của một số nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em người lao động di trú. Có thể kể đến trong nhóm cơ quan này là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam và hệ thống Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các bộ, ngành, các cấp hành chính tỉnh, huyện, xã; Ủy ban Quốc gia về Trẻ em; Ủy ban Quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam... Đối với vấn đề bảo vệ quyền của người lao động di trú, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu mối, phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức và chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Ngoài các cơ quan chính nói trên, tất cả các cơ quan tư pháp, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức nghề nghiệp đều có chức năng bảo đảm các quyền con người tại Việt Nam. Các cơ quan này, thông qua hoạt động tiếp nhận khiếu nại, kiến nghị của công dân, đại diện cho công dân bảo vệ các quyền con người cơ bản, thực hiện các báo cáo định kỳ cho cơ quan chủ quản... chính là thực hiện chức năng giám sát việc thực thi quyền con người nói chung, quyền con người ghi nhận trong các văn kiện của ASEAN nói riêng. Qua đó, tham mưu, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết, thúc đẩy thực hiện

các vấn đề liên quan đến quyền con người.

Như vậy, có thể thấy rằng Việt Nam đang lựa chọn tiếp cận vấn đề giám sát thực hiện quyền con người từ nhiều khía cạnh, huy động nhiều chủ thể, từ trung ương đến địa phương tham gia giám sát. Tuy nhiên, có thể dễ dàng chỉ ra điểm yếu của các cơ quan này khi những cơ quan thực thi quyền con người đồng thời là những cơ quan giám sát thực thi, điều này không đảm bảo được tính khách quan và độc lập.

Bên cạnh đó, việc chưa thành lập được cơ quan nhân quyền quốc gia chuyên trách cũng là vấn đề còn nhiều tranh cãi tại Việt Nam. Trong khu vực, một số quốc gia đã thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia với nhiều mô hình khác nhau như: Komnas HAM của Indonesia, SUHAKAM của Malaysia, MNHRC của Myanmar, CHRP của Philippines và NHRCT của Thái Lan. Ngoại trừ MNHRC của Myanmar, cơ quan nhân quyền của các quốc gia còn lại đều là những cơ quan hoạt động độc lập, chịu trách nhiệm giám sát, điều tra cũng như nâng cao nhận thức về quyền con người. Việc chưa xác định được mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia thích hợp tại Việt Nam có thể gây ra sự thiếu thống nhất và thiếu tập trung khi giải quyết cũng như giám sát các vấn đề liên quan đến quyền con người.

Việt Nam đã và đang nỗ lực để đưa ra giải pháp cho vấn đề này. Khi ứng cử trở thành thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, trong số các cam kết của Việt Nam có bao gồm cam kết *“củng cố các tổ chức quốc gia bảo vệ nhân quyền, bao gồm việc có thể thành lập một cơ quan nhân quyền quốc gia”*⁽³⁴⁾,

(34). <https://www.ohchr.org/en/NewsEvents/Pages/>

đồng thời, Việt Nam cũng đã chấp nhận khuyến nghị về việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia của nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới. Giới học thuật và Chính phủ Việt Nam, dưới sự trợ giúp của các cơ quan như Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc, Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc nghiên cứu và học tập các mô hình về cơ quan nhân quyền quốc gia tại nhiều nước trên thế giới, thể hiện tinh thần cầu thị nhằm tìm ra mô hình thích hợp nhất cho Việt Nam.

Để thực hiện tốt hơn nữa nghĩa vụ thành viên trong các điều ước quốc tế đa phương nói chung, các điều ước quốc tế về quyền con người tại ASEAN nói riêng, Việt Nam cần:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật trong Hiến pháp và pháp luật liên quan đến quyền con người, đảm bảo quyền con người một cách toàn diện và thống nhất, cập nhật với những xu hướng mới về quyền con người.

- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người, đặc biệt là hợp tác với các nước thành viên trong khu vực ASEAN để đẩy nhanh quá trình nâng cấp tính pháp lý của các văn kiện hiện có, đưa ra các sáng kiến nâng cao hiệu quả của các thiết chế nhân quyền khu vực, ký kết và phê chuẩn các văn kiện pháp lý mới về quyền con người; hoàn thiện nhanh chóng các báo cáo đã quá hạn; thu hẹp thời gian phát hành Sách trắng về quyền con người...

- nỗ lực để sớm xây dựng cơ quan nhân quyền quốc gia, trong đó bên cạnh việc trao cho cơ quan này chức năng tham mưu về các vấn đề quyền con người, cần đặc biệt chú ý tới tính độc lập của cơ quan này để nâng cao

hiệu quả giám sát các hoạt động thúc đẩy và bảo vệ quyền con người tại Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng về tình hình nhân quyền tại Việt Nam: Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*, 2005.
2. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng về tình hình nhân quyền tại Việt Nam: Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam*, 2018.
3. European Parliament, Directorate - General for external policies, Policy Department, "Development of the ASEAN human rights mechanism", 2012.
4. Giao Công VU, Kien TRAN, "Constitutional Debate and Development on Human Rights in Vietnam", *Asian Journal of Comparative Law*, II (2016).
5. Vũ Công Giao, Nguyễn Sơn Đông, "Những điểm mới tiến bộ về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013 và việc thực thi", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 30, số 3/2014.
6. Phạm Xuân Hải, *Luận văn thạc sĩ Luật học "Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở khu vực ASEAN"*, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2016.
7. Mathew Davies, "States of Compliance?: Global Human Rights Treaties and ASEAN Member States", *Journal of Human Rights*, 2014, 13:4.
8. Hoang Van Nghia, *The 'Asian Values' Perspective of Human Rights: A Challenge to Universal Human Rights*, <https://ssrn.com/abstract=1405436>. or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1405436>